

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-PT

Ngày 10 - 02 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 21/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1973, (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Hoàng D, sinh năm 1972, (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3.2. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1976, (vắng mặt)

3.3. Ông Tô Văn R, sinh năm 1976, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.4. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1980, (vắng mặt)

3.5. Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.6. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1971, (vắng mặt)

3.7. Bà Lê Thị N, sinh năm 1973, (vắng mặt)

3.8. Ông Phan Hoàng H, sinh năm 1974, (có mặt)

3.9. Bà Trần Thị Mười M, sinh năm 1975, (vắng mặt)

3.10. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1935, (có mặt)

3.11. Bà Bùi Thị V, sinh năm 1940, (vắng mặt)

3.12. Ông Phan Hoàng K, sinh năm 1985, (có mặt)

3.13. Anh Phan Hoàng L, sinh năm 1993, (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.14. Anh Phan Tường L1, sinh năm 2001, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, ông Phan Hoàng D, sinh năm 1972.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Phạm Thị P và bị đơn ông Phan Hoàng D thống nhất xác định: Bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục của địa phương nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà P và ông D có 02 người con chung gồm Phan Hoàng L, sinh năm 1993 và Phan Tường L1, sinh năm 2001; hiện nay, cả hai đang sống chung với bà P.

Nguyên nhân ly hôn, theo bà P xác định do ông D không chí thú làm ăn, chăm lo cho gia đình mà thường đi cờ bạc, còn ông D xác định do bà P có quan hệ không trong sáng với người đàn ông khác, nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nên từ ngày 05/5/2020 bà P và ông D không còn sống chung với nhau. Nay bà P xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên xin được ly hôn, ông D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Về tài sản chung, bà P xác định trong thời gian sống chung cha mẹ chồng cho vợ chồng các phần đất đo đạc thực tế diện tích như sau:

- Phần đất diện tích 2.600m², thuộc một phần của thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 02.

- Phần đất diện tích 2.634,5m², thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 09, trong thời gian chung sống vợ chồng xây dựng 01 căn nhà chính, nhà phụ và các công trình phụ trên phần đất này.

- Phần đất diện tích 3.683,9m², thuộc một phần thửa 995

- Phần đất diện tích 1.064,1m², thuộc một phần thửa đất số 995, tờ bản đồ số 02.

Về nợ chung, bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D thống nhất xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V số tiền lãi 28.450.000 đồng, nợ tiền thức ăn nuôi tôm của bà Ngô Thị T và ông Tô Văn R với số tiền 154.635.000 đồng và nợ tiền thức ăn nuôi tôm của bà Hồ Thị D và ông Đỗ Văn S số tiền 20.000.000đ.

Ngoài các phần đất và tài sản chung và nợ chung nêu trên thì ông, bà không còn tài sản chung nào khác. Khi ly hôn bà P, ông D đồng ý chia đôi tài sản chung và nợ chung theo quy định pháp luật, bà P, ông D đều có yêu cầu được nhận nhà, đất được chia.

Đối với phần đất nhà ở diện tích 300m², thuộc thửa số 131-1 và phần đất lập vườn diện tích 1.410m², thuộc thửa số 131-2, cùng tờ bản đồ số 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Hoàng D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tọa lạc tại: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu ông D, bà P xác định không phải tài sản chung của ông Phan Hoàng D và bà Phạm Thị P, nên bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ và bà Bùi Thị V thống nhất trình bày: Khoảng năm 2000-2001, ông Đ và bà V có cho ông Phan Hoàng D và bà Phạm Thị P phần đất 02 công tằm cây diện tích 2.600m², thuộc một phần thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, nhưng hiện nay ông Phan Văn Đ vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông D và bà P yêu cầu chia diện tích đất này thì ông Phan Văn Đ và bà Bùi Thị V không có ý kiến gì, do ông bà đã cho ông D, bà P rồi nên phần đất này là của ông Phan Hoàng D và bà Phạm Thị P. Ngoài ra, ông Phan Văn Đ và bà Bùi Thị V không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Hoàng L và anh Phan Tường L1 thống nhất trình bày: Anh Phan Hoàng L và anh Phan Tường L1 là con ruột của bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D. Các phần đất và căn nhà gắn liền trên đất mà bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D có yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn là tài sản của bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D. Anh Phan Hoàng L và anh Phan Tường L1 không có công sức đóng góp gì trong việc tạo lập nên các tài sản trên, chỉ có công sức bồi đắp và canh tác, nên anh Phan Hoàng L và anh Phan Tường L1 không có yêu cầu gì đối với các phần đất và căn nhà gắn liền trên đất nêu trên mà chỉ yêu cầu giải quyết chia cho bà Phạm Thị P được nhận hiện vật là diện tích đất có căn nhà gắn liền với đất để bà Phạm Thị P, anh Phan Hoàng L và anh Phan Tường L1 có chỗ ở ổn định để chăm sóc bà Phạm Thị P do bà Phạm Thị P bị bệnh thoái hóa cột sống, đi lại khó khăn. Ngoài ra, anh Phan Hoàng L và anh Phan Tường L1 không có yêu cầu gì khác.

Theo ông Trương Hoàng T, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày: Ngày 16/3/2004, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông

thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V, tỉnh Bạc Liêu và ông Phan Hoàng D ký kết Hợp đồng tín dụng số 100/HĐTD cho ông Phan Hoàng D vay số tiền 18.000.000 đồng, lãi suất 1,15%/tháng, thời hạn vay 08 tháng để nuôi tôm. Ông Phan Hoàng D có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đất và tài sản gắn liền với đất ngày 16/3/2004, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611763 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00267 QSDĐ/82/99/QĐUB) do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Hoàng D vào ngày 07/5/2001 để bảo đảm khoản tiền vay nêu trên. Tại Văn bản số 827/NHNoVL ngày 26/9/2022, Ngân hàng xác định ông Phan Hoàng D đã trả hết nợ vào ngày 07/9/2022, nay Ngân hàng không yêu cầu gì thêm trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn R và bà Ngô Thị T trình bày: Ông, bà có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm với bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D, đến khoảng tháng 5/2020, các bên tiến hành đối chiếu và xác định bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D còn nợ ông Tô Văn R và bà Ngô Thị T tổng số tiền 154.635.000 đồng. Nay ông Tô Văn R và bà Ngô Thị T yêu cầu bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D cùng có trách nhiệm trả khoản nợ 154.635.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn S và bà Hồ Thị D thống nhất trình bày: Khoảng năm 2013-2014, ông Đỗ Văn S và bà Hồ Thị D có bán thức ăn nuôi tôm cho ông Phan Hoàng D và bà Phạm Thị P. Đến năm 2017, hai bên đối chiếu nợ và xác định ông Phan Hoàng D và bà Phạm Thị P còn nợ ông Đỗ Văn S và bà Hồ Thị D số tiền 20.000.000 đồng. Nay ông Đỗ Văn S và bà Hồ Thị D yêu cầu ông Phan Hoàng D và bà Phạm Thị P trả số tiền 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N trình bày: Vào tháng 02/2019 (âm lịch), ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N có thuê diện tích đất 4.748m², tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu của bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D với giá 8.000.000 đồng, thời hạn thuê 03 năm; hai bên có lập giấy tay. Ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N trực tiếp thỏa thuận và giao tiền thuê đất cho ông Phan Hoàng D. Tuy nhiên, chưa hết thời hạn thuê thì vào tháng 02/2021 (âm lịch), bà Phạm Thị Phương tiếp tục thỏa thuận cho ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N tiếp tục thuê thêm 03 năm với giá 8.000.000 đồng và hai bên có lập giấy tay. Ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N trực tiếp giao đủ tiền thuê đất cho bà Phạm Thị P. Nay bà Phạm Thị P có yêu cầu ly hôn và chia tài sản liên quan đến diện tích đất ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N đang thuê thì ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N yêu cầu được tiếp tục thực hiện giao dịch thuê quyền sử dụng đất nêu trên cho đến khi hết hạn hợp đồng. Trong trường hợp không thể tiếp tục thực hiện giao dịch thuê quyền sử dụng đất nêu trên, ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N đồng ý trả lại đất thuê nhưng yêu cầu được thu hoạch tôm nuôi trên đất, còn tiền thuê đất còn lại ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N tự thỏa thuận với bà Phạm Thị P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M trình bày: Vào tháng 02/2021, ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười

M có thuê 02 công tầm cây đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu của bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D với giá 4.000.000 đồng, thời hạn thuê 03 năm; hai bên không lập văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M trực tiếp thỏa thuận và giao đủ tiền thuê đất cho bà Phạm Thị P. Nay bà Phạm Thị P có yêu cầu ly hôn và chia tài sản liên quan đến diện tích đất ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M đang thuê thì ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M yêu cầu được tiếp tục thực hiện giao dịch thuê quyền sử dụng đất nêu trên đến khi hết hạn hợp đồng. Trong trường hợp không thể tiếp tục thực hiện giao dịch thuê quyền sử dụng đất nêu trên, ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M yêu cầu được thu hoạch tôm nuôi trên đất và yêu cầu bà Phạm Thị P hoàn trả lại tiền thuê đất thời gian còn lại là 2.700.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D. Bà Phạm Thị P yêu cầu được nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.634,5m², thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 09 và căn nhà gắn liền với đất; các phần đất còn lại gồm diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.600m², thuộc một phần của thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 02; diện tích đất theo đo đạc thực tế 3.683,9m² và diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.064,1m² thuộc thửa đất số 995, tờ bản đồ số 02, bà Phạm Thị P đồng ý giao cho ông Phan Hoàng D, không yêu cầu chia cho bà Phạm Thị P. Đối với khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, vào ngày 07/9/2022, bà Phạm Thị P đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V với số tiền 4.939.000 đồng và được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V tắt toán khoản nợ vay nên bà Phạm Thị P rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia khoản nợ 28.450.000 đồng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V mà chỉ yêu cầu ông Phan Hoàng D hoàn trả cho bà Phạm Thị P ½ số tiền 4.939.000 đồng mà bà Phạm Thị P đã thanh toán cho Ngân hàng là 2.469.500 đồng. Đối với số tiền thuê đất còn lại mà ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M bà đồng ý tự mình hoàn trả.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D là vợ chồng.
2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung:
 - 3.1. Chia cho bà Phạm Thị P được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm: Phần đất có diện tích 2.634,5m², loại đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611763, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Hoàng D ngày 07/5/2001; căn nhà có diện tích 113,76m² có kết cấu cột bê tông, vách thiếc và tường xây, nền gạch men, mái tol xi măng cùng một nhà vệ sinh có diện tích 3,2m² có kết cấu vách thiếc, mái tol xi măng, có hầm tự hoại gắn liền với

diện tích 2.634,5m², thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 09, nhà, đất tọa lạc tại: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Chia cho ông Phan Hoàng D được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm: Phần đất diện tích 2.600m² thuộc một phần thửa số 1193, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00247, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Văn Đ ngày 30/3/2000; phần đất diện tích 1.064,1m² loại đất trồng lúa; phần đất diện tích 3.683,9m² loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 995, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611763, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Hoàng D cùng ngày 07/5/2001, các thửa đất tọa lạc tại: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Hủy giao dịch thuê quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 2.600m², thuộc một phần thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 02 (thành lập năm 1997); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00247 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Văn Đ ngày 30/3/2000 giữa bà Phạm Thị P với ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M.

3.3.1. Buộc ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M có trách nhiệm giao trả cho ông Phan Hoàng D phần đất có diện tích 2.600m², thuộc một phần thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 02 (thành lập năm 1997); tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

3.3.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị P, buộc bà Phạm Thị P có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

3.4. Hủy giao dịch thuê quyền sử dụng đất đối với các phần đất có diện tích 1.064,1m² và 3.683,9m², loại đất trồng lúa, thuộc một phần thửa đất số 995, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611763, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Hoàng D ngày 07/5/2001 giữa bà Phạm Thị P với ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N.

3.4.1. Buộc ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N có trách nhiệm giao trả cho ông Phan Hoàng D phần đất diện tích 1.064,1m², thuộc một phần thửa đất số 995, tờ bản đồ số 02.

3.4.2. Buộc ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N có trách nhiệm giao trả cho ông Phan Hoàng D phần đất diện tích 3.683,9m², thuộc một phần thửa đất số 995, tờ bản đồ số 02.

3.5. Cho phép ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M được quyền tiếp tục sử dụng phần đất nêu trên trong thời gian 03 (ba) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2022). Hết thời hạn nêu trên, buộc ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M phải thu hoạch vật nuôi, cây trồng và di dời tài sản trên đất để giao trả phần đất cho ông Phan Hoàng D.

Cho phép ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N được quyền tiếp tục sử dụng phần đất nêu trên trong thời gian 03 (ba) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2022).

Hết thời hạn nêu trên, buộc ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N phải thu hoạch vật nuôi, cây trồng và di dời tài sản trên đất để giao trả phần đất cho ông Phan Hoàng D.

3.6. Ông Phan Hoàng D và bà Phạm Thị P có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kê khai, đăng ký biến động đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được chia theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung:

4.1. Buộc bà Phạm Thị P có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ như sau:

- Thanh toán cho ông Hồ Văn R và bà Ngô Thị T số tiền 77.317.500 đồng (Bảy mươi bảy triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng);
- Thanh toán cho ông Đỗ Văn S và bà Hồ Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4.2. Buộc ông Phan Hoàng D có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ như sau:

- Thanh toán cho ông Hồ Văn R và bà Ngô Thị T số tiền 77.317.500 đồng (Bảy mươi bảy triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng).
- Thanh toán cho ông Đỗ Văn S và bà Hồ Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4.3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của bà Phạm Thị P đối với ông Phạm Hoàng D về việc yêu cầu chia số nợ 28.450.000 đồng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Buộc ông Phan Hoàng D có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị P số tiền 2.469.500đ (Hai triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn, năm trăm đồng) bà Phạm Thị P đã trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/10/2022 ông Phan Hoàng D kháng cáo, không đồng ý chia các thửa đất 119 diện tích 2.634,5m², thửa đất 1193 diện tích 2.600m², một phần thửa đất 995 diện tích 1.064,1m² và một phần thửa đất 995 diện tích 3.638,9m², vì ông xác định các thửa đất này ông được cha mẹ cho riêng ông, không phải là tài sản chung. Về nợ chung tổng số tiền 174.635.000đ ông đồng ý một mình trả cho các chủ nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến và đề xuất giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa

án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hoàng D, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, những người có quyền nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng có đơn xin vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt những người vắng mặt.

[1.2] Tại Quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu về quan hệ hôn nhân, con chung, án phí và chi phí tố tụng, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp ngày 18/02/2022, các phần đất tranh chấp gồm: Thửa 1193 diện tích 2.600m², tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; một phần thửa 995 diện tích 1.064,1m² và một phần thửa 995 diện tích 3.683,9m², cùng tờ bản đồ số 2 (lập năm 1997); thửa 119 diện tích 2.634,5m², tờ bản đồ số 9 (thành lập năm 1997) cùng tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Trong đó, các thửa đất 119, 995, 131-1, 131,2 và thửa 995 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00627, do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 07/5/2001 cho hộ ông Phan Hoàng D; thửa 1193 diện tích 2.600m², tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00247, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Văn Đ ngày 30/3/2000. Các phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Thửa 1193 diện tích 2.600m².

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Phan Văn C, ông Phan Văn Đ có số đo 12,56m + 61,32m + 28,83m.

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Phan Hoàng H có số đo 101,26m.

Cạnh hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Hồng Q có số đo 27,01m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất của ông Phan Văn Đ có số đo 23,59m.

- Một phần thửa 995 diện tích $1.064,1\text{m}^2$, loại đất lúa tô

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Phan Hoàng H có số đo 28,96m.

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Huỳnh Văn T có số đo 14,5m.

Cạnh hướng Nam giáp kênh Năm Lý có số đo 55,16m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất bà Lê Thị H có số đo 49,54m.

- Một phần thửa 995 diện tích $3.683,9\text{m}^2$, loại đất lúa tô.

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Phan Hoàng H có số đo 73,81m.

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Huỳnh Văn T có số đo 93,33m.

Cạnh hướng Nam giáp đất ông Phan Văn S có số đo 43,16m.

Cạnh hướng Bắc giáp kênh Năm Lý có số đo 51,79m.

- Thửa 119 diện tích $2.634,5\text{m}^2$, loại đất lúa tô.

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Thanh B có số đo 42,69m.

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Phan Văn C có số đo 41,36m.

Cạnh hướng Nam giáp đất ông Phan Văn C có số đo 62,05m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn M có số đo 63,49m.

Trên phần đất có các tài sản gắn liền gồm căn nhà có kết cấu cột bê tông, vách thiếc và tường xây, nền gạch men, mái tol xi măng, diện tích $5,9\text{m} \times 11,9\text{m} + 6,7\text{m} \times 6,5\text{m} = 113,76\text{m}^2$, một nhà vệ sinh có kết cấu vách thiếc, mái tol xi măng, có hầm tự hoại, diện tích $1,6\text{m} \times 2\text{m} = 3,2\text{m}^2$.

[4] Xét kháng cáo của ông D không đồng ý chia các phần đất nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, các phần đất nêu trên có nguồn gốc của cha mẹ ông D cho ông D và bà P trong thời gian ông D, bà P sống chung. Trong quá trình chung sống ông D, bà P cùng quản lý, sử dụng các phần đất trên, cất nhà kiên cố trên phần đất và ông D đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng thửa 1193 ông Đ bà V là cha mẹ ông D chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng ông Đ, bà V và các con của ông bà là thành viên trong hộ điều xác định phần đất diện tích 2.600m^2 ông Đ, bà V đã cho ông D, bà P trong thời gian ông D, bà P sống chung.

Trong quá trình tố tụng, tại các biên bản ghi lời khai ngày 28/10/2021, 20/01/2022 và biên bản hòa giải ngày 19/8/2022 ông D đều thừa nhận các phần đất trên là tài sản chung của ông D, bà P. Do đó, cấp sơ thẩm có căn cứ xác định các thửa đất 1193, 955, 119 là tài sản chung của ông D, bà P. Mặc dù, hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận, nhưng tài sản ông bà được tặng cho chung trong thời gian chung sống là tài sản chung của ông bà. Khi phân chia tài sản chung, cấp sơ thẩm đã xem xét đến công sức đóng góp vào khối tài sản chung và chia cho ông D phần nhiều hơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông D không thừa nhận các thửa đất trên là tài sản chung, nhưng ông không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc thay đổi lời khai của mình, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông D, cần giữ nguyên phần chia tài sản của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Xét kháng cáo của ông D yêu cầu được tự mình trả hết các khoản nợ chung. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng các chủ nợ đều có yêu cầu ông D, bà P cùng có trách nhiệm giao trả các khoản nợ, cấp sơ thẩm xác định các khoản nợ phát sinh trong thời gian ông D bà P sống chung và buộc ông bà cùng có trách nhiệm giao trả các khoản nợ là phù hợp, việc tự nguyện một mình trả hết các khoản nợ của ông D không được các chủ nợ đồng ý, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để ghi nhận sự tự nguyện này của ông D. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của ông D.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông D, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phan Hoàng D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hoàng D, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 296, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 16 khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị P, sinh năm 1973 và ông Phan Hoàng D, sinh năm 1972 là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chia cho bà Phạm Thị P được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

- Phần đất có diện tích $2.634,5\text{m}^2$, loại đất lúa, tằm, thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 09 (thành lập năm 1997); tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611763 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00627/QSDĐ/82/99/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Hoàng D ngày 07/5/2001. Phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Thanh B có số đo 42,69m.

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Phan Văn C có số đo 41,36m.

Cạnh hướng Nam giáp đất ông Phan Văn C có số đo 62,05m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn M có số đo 63,49m.

- Căn nhà, vật kiến trúc xây dựng trên phần đất thửa 119, có kết cấu cột bê tông, vách thiếc và tường xây, nền gạch men, mái tol xi măng, diện tích $5,9\text{m} \times 11,9\text{m} + 6,7\text{m} + 6,5\text{m} = 113,76\text{m}^2$, một nhà vệ sinh có kết cấu vách thiếc, mái tol xi măng, có hầm tự hoại, diện tích $1,6\text{m} \times 2\text{m} = 3,2\text{m}^2$, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Chia cho ông Phan Hoàng D được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

- Thửa 1193 diện tích 2.600m^2 , loại đất lúa, tằm, thuộc một phần thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 02 (thành lập năm 1997); tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00247 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Văn Đ ngày 30/3/2000. Phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Phan Văn C, ông Phan Văn Đ có số đo $12,56\text{m} + 61,32\text{m} + 28,83\text{m}$.

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Phan Hoàng H có số đo 101,26m.

Cạnh hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Hồng Q có số đo 27,01m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất của ông Phan Văn Đ có số đo 23,59m.

- Thửa thửa 995 diện tích 4.748m^2 , loại đất lúa, tằm, thuộc thửa 995, tờ bản đồ số 02 (thành lập năm 1997); tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611763 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00627/QSDĐ/82/99/QĐUB), do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Hoàng D ngày 07/5/2001.

+ Phần thứ nhất diện tích $1.064,1\text{m}^2$

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Phan Hoàng H có số đo 28,96m.

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Huỳnh Văn T có số đo 14,5m.

Cạnh hướng Nam giáp kênh Năm L có số đo 55,16m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất bà Lê Thị H có số đo 49,54m.

+ Phần thứ hai diện tích $3.683,9\text{m}^2$.

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Phan Hoàng H có số đo 73,81m.

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Huỳnh Văn T có số đo 93,33m.

Cạnh hướng Nam giáp đất ông Phan Văn S có số đo 43,16m.

Cạnh hướng Bắc giáp kênh Năm Lý có số đo 51,79m.

3.3. Trích đo các phần đất tranh chấp do Chi nhánh - Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Bạc Liêu lập ngày 18/3/2022 được kèm theo Bản án và là bộ phận không tách rời của Bản án.

3.4. Ông Phan Hoàng D và bà Phạm Thị P được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia, theo quy định pháp luật.

3.5. Hủy giao dịch thuê quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 2.600m^2 , thuộc một phần thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 02 (thành lập năm 1997); tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu giữa bà Phạm Thị P với ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M.

- Buộc ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M cùng có trách nhiệm giao trả cho ông Phan Hoàng D phần đất diện tích 2.600m^2 , thuộc một phần thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 02, vị trí, số đo các cạnh được thể hiện tại mục 3.2 của phần Quyết định.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị P, buộc bà Phạm Thị P có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phan Hoàng H và bà Trần Thị Mười M số tiền 2.700.000đ (Hai triệu, bảy trăm ngàn đồng).

3.6. Hủy giao dịch thuê quyền sử dụng đất đối với các phần đất có diện tích $1.064,1\text{m}^2$ và $3.683,9\text{m}^2$ loại đất lúa, tôm, thuộc một phần thửa đất số 995, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, giữa bà Phạm Thị P với ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N.

Buộc ông Bùi Văn C và bà Lê Thị N cùng có trách nhiệm giao trả cho ông Phan Hoàng D phần đất diện tích $1.064,1\text{m}^2$ và phần đất diện tích $3.683,9\text{m}^2$, loại đất lúa, tôm, thuộc thửa đất số 995, tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611763 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00627/QSDĐ/82/99/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Phan Hoàng D ngày 07/5/2001, vị trí, số đo các cạnh được thể hiện tại mục 3.2 của phần quyết định.

4. Về nợ chung:

4.1. Buộc bà Phạm Thị P có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ như sau:

- Thanh toán cho ông Hồ Văn R và bà Ngô Thị T số tiền 77.317.500 đồng (Bảy mươi bảy triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng).
- Thanh toán cho ông Đỗ Văn S và bà Hồ Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4.2. Buộc bà Phan Hoàng D có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ như sau:

- Thanh toán cho ông Hồ Văn R và bà Ngô Thị T số tiền 77.317.500 đồng (Bảy mươi bảy triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng).
- Thanh toán cho ông Đỗ Văn S và bà Hồ Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4.3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu của bà Phạm Thị P. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của bà Phạm Thị P đối với ông Phan Hoàng D yêu cầu chia số tiền nợ 28.450.000 đồng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Buộc ông Phan Hoàng D có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị P số tiền 2.469.500đ (Hai triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định, định giá và án phí dân sự phúc thẩm.

6.1. Về án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, án phí chia tài sản:

- Bà Phạm Thị P phải nộp số tiền 4.229.337đ, (Bốn triệu, hai trăm hai mươi chín ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng), bà Phạm Thị P đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000683 ngày 27/10/2021 và 1.692.000đ, theo lai thu số 0000769 ngày 27/12/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí, bà Phạm Thị P phải nộp thêm số tiền 2.237.337đ, (Hai triệu, hai trăm ba mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng).

- Ông Phan Hoàng D phải nộp số tiền 8.324.450đ, (Tám triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn, bốn trăm năm mươi đồng).

6.2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.341.632đ, bà Phạm Thị P và ông Phan Hoàng D mỗi người phải chịu 3.670.816đ, (Ba triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn, tám trăm mười sáu đồng). Buộc ông Phan Hoàng D có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị P số tiền 3.670.816đ, (Ba triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn, tám trăm mười sáu đồng).

6.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Hoàng D phải chịu 300.000đ, (Ba trăm ngàn đồng), ông Phan Hoàng D (do ông Phan Minh N nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, theo biên lai thu số 0001257 ngày 26/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn